

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO QUÍ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM - VIETRAVEL**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,312,296,079,527	1,036,334,970,712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	153,185,946,429	203,520,845,821
1. Tiền	111		136,590,097,311	201,695,648,205
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,595,849,118	1,825,197,616
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,032,660,000	6,417,888,750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4,032,660,000	6,417,888,750
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		961,485,098,607	663,283,926,210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	430,548,896,001	225,199,205,559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	387,617,156,224	351,486,331,157
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		44,157,900	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	100,000,000	350,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	146,430,584,709	92,145,363,854
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3,255,696,227)	(5,896,974,360)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48,396,415,056	36,965,032,693
1. Hàng tồn kho	141	V.8	49,854,506,674	37,558,854,127
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1,458,091,618)	(593,821,434)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		145,195,959,435	126,147,277,238
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	144,016,108,395	125,110,231,418
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,161,119,244	889,030,170
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	18,731,796	148,015,650
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		930,958,631,671	171,529,790,777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12,741,961,330	7,856,503,415
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	12,741,961,330	7,856,503,415
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85,588,031,037	88,728,874,280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	75,270,024,256	77,967,297,074
- Nguyên giá	222		214,551,973,933	202,119,175,626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139,281,949,677)	(124,151,878,552)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10,318,006,781	10,761,577,206
- Nguyên giá	228		20,861,268,113	19,831,108,613
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,543,261,332)	(9,069,531,407)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41,341,153,052	29,951,374,548
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	41,341,153,052	29,951,374,548
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		713,075,758,276	12,206,009,052
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1,116,500,000	1,116,500,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	1,828,723,276	958,974,052
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	9,800,960,000	9,800,960,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	700,329,575,000	329,575,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		78,211,727,976	32,787,029,482
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	47,234,945,143	29,491,813,482
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	30,976,782,833	3,295,216,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,243,254,711,198	1,207,864,761,489

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,989,160,511,687	983,137,363,945
I. Nợ ngắn hạn	310		1,239,505,016,687	926,833,878,945
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	540,407,701,652	372,155,818,281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	340,610,796,040	350,394,927,700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	34,989,253,918	21,198,891,660
4. Phải trả người lao động	314		36,593,549,932	45,785,382,981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	16,088,218,130	3,690,168,668
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4,267,025,138	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a, c	105,923,646,550	45,332,283,660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	145,941,514,708	78,740,795,410
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	39,466,500
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	14,683,310,619	9,496,144,085
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		749,655,495,000	56,303,485,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b, c	1,800,025,000	1,540,125,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	728,999,470,000	35,907,360,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.22	18,856,000,000	18,856,000,000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

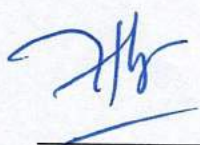
Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254,094,199,511	224,727,397,544
I. Vốn chủ sở hữu	410		254,094,199,511	224,727,397,544
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	126,416,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126,416,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	3,030,205,325	3,030,205,325
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(4,232,375,600)	(3,487,459,300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.23	429,049,385	(269,365)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	21,068,985,632	16,004,315,204
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	85,935,054,516	66,804,575,043
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32,974,365,742	66,804,575,043
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		52,960,688,774	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.23	21,446,950,253	15,959,700,637
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,243,254,711,198	1,207,864,761,489



Đặng Thị Hiền Lương
Người lập



Ngô Chí Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,228,998,433,405	2,244,912,649,013	5,808,393,128,303	6,013,987,638,795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,154,337,975	1,381,346,463	4,631,589,529	3,855,354,078
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,226,844,095,430	2,243,531,302,550	5,803,761,538,774	6,010,132,284,717
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2,075,786,504,307	2,116,408,449,056	5,408,581,150,177	5,650,974,784,443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151,057,591,123	127,122,853,494	395,180,388,597	359,157,500,274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,701,429,718	371,372,960	3,326,140,753	1,373,788,746
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4,261,102,157	2,360,422,357	10,629,768,494	5,528,976,743
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,076,967,815	2,257,187,935	8,763,322,999	4,947,618,795
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	V.2c	(174,498,189)	-	(174,653,576)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	18,216,098,702	12,584,490,586	45,704,865,187	31,271,651,691
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	95,995,715,446	93,428,334,173	274,473,313,269	274,892,345,875
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,111,606,347	19,120,979,338	67,523,928,824	48,838,314,711
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1,697,956,729	4,878,981,451	9,726,682,889	16,778,266,077
13. Chi phí khác	32	VI.9	2,508,783,214	1,682,878,658	7,170,622,474	6,126,157,067
14. Lợi nhuận khác	40		(810,826,485)	3,196,102,793	2,556,060,415	10,652,109,010
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33,300,779,862	22,317,082,131	70,079,989,239	59,490,423,721
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	9,083,524,611	4,192,131,782	16,010,786,996	10,875,812,660
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24,217,255,251	18,124,950,349	54,069,202,243	48,614,611,061
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		25,338,799,656	17,358,790,132	52,960,688,774	46,846,276,572
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1,121,544,405)	766,160,217	1,108,513,469	1,768,334,489



Đặng Thị Hiền Lương
Người lập



Ngô Chí Dũng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 10 năm 2019

Nguyễn Quốc Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7,202,510,445,875	6,543,682,792,897
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6,370,494,598,654)	(6,046,154,667,654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(226,930,794,625)	(208,594,066,964)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(9,102,588,688)	(4,960,732,230)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(13,324,509,287)	(5,055,174,231)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,278,873,631,958	1,283,744,085,501
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,894,799,070,468)	(1,620,505,594,147)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33,267,483,889)	(57,843,356,828)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, 12, 13	(26,636,743,318)	(44,098,282,327)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		249,794,268	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700,300,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		335,000,000	200,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(30,044,402,800)	(2,600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2,600,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.4	1,606,063,444	369,769,019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(752,190,288,406)	(46,128,513,308)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		5,472,000,000	47,695,234,883
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(2,954,446,363)	(360,229,946)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	955,014,351,446	112,255,787,964
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(202,797,512,049)	(58,686,427,964)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 23	(19,642,845,340)	(10,767,615,347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		735,091,547,694	90,136,749,590
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(50,366,224,601)	(13,835,120,546)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	203,391,831,011	177,985,894,441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		160,340,019	3,028,404
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	153,185,946,429	164,153,802,299

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Đặng Thị Hiền Lương
Người lậpNgô Chí Dũng
Kế toán trưởngNguyễn Quốc Kỳ
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: điều hành tour du lịch; đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không; vận chuyển khách du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Có 10 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Tập đoàn mua 66% cổ phần của Công ty Cổ phần Quốc tế Kent với giá mua là 29.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này là 66%.

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn đã góp thêm 262.500.000 VND vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích.

Ngày 01 tháng 07 năm 2019 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích đã góp thêm 262.500.000 VND vào Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam. Tổng cộng vốn góp 525.000.000 VND chiếm tỉ lệ 21% quyền biểu quyết.

Đồng thời, Tập đoàn đã mua thêm 1.452.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa với giá mua là 14.528.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 2.905.600 cổ phần, tương đương 72,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa (số đầu năm là 1.452.800 cổ phần, tương đương 72,64% vốn điều lệ). Trong đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 800.000 cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preah Monivong, phường Bung Kenh Kon I, quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Số 163, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch.	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Số 99A, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh văn hóa phẩm và các mặt hàng tiêu dùng, kinh doanh xuất nhập khẩu ấn phẩm sách in trên các chất liệu khác nhau.	72,64%	72,64%	72,64%	72,64%
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, khu phố 1, thị trấn Đông Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Vietravel Australia Pty Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Vận tải hành khách hàng không.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Số 219-221, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đào tạo khóa học về quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch, Anh ngữ.	66,00%	-	66,00%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5c. Các công ty con chưa được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lý do
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp.	100,00%	100,00%	Mới thành lập, chưa hoàn tất việc góp vốn
City Travel & Tours LLC.	Số 9191, phòng 219, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	Mới chuyển vốn đầu tư, tạm thời chưa hoạt động kinh doanh

5d. Các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp thị - Thể thao - Du lịch - Giải trí Việt Nam	Số 35 Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Số 35 Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều hành tour du lịch.	21,00%	21,00%	21,00%	21,00%
VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistricct, Bang Khae District, Bangkok Metropolis	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	49,00%	-	49,00%	-

- ⁽ⁱ⁾ Tập đoàn nắm giữ 21% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Bình Dương	Số 317, đại lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Dịch vụ Du lịch Lá Xanh	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đồng Nai	Số 59, đường 30/4, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Huế	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hải Phòng	Số 4, phố Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	Số 58, đường Pasteur, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Tư vấn Du học Việt	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long Xuyên	Số 99-101, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Nha Trang	Số 100, đường Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 516, đường Quang Trung, phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cần Thơ	Số 5-7, đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vũng Tàu	Số 150, đường Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quy Nhơn	Số 515, đường Trần Hưng Đạo, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Xuất khẩu lao động tại Hà Nội	Phòng 502, Số 2, đường Trần Thánh Tông, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Xây dựng công trình dân dụng Ngôi Sao	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vinh	Số 111, đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cà Mau	Số 134, đường Nguyễn Trãi, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Rạch Giá	Số 150, đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Phú Quốc	Số 53, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Số 58, đường Điện Biên Phủ, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 18, đường 25/4, phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Lạt	Số 56, đường Phan Đình Phùng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Thanh Hóa	Số 109, đường Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm tổ chức sự kiện Đàn Ông Việt	Số 32A, đường Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Nguồn nhân lực Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Bạc Liêu	Số 216, đường Trần Phú, Phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long An	Số 151, đường Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đồng Tháp	Số 107, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Sóc Trăng	Số 1A, đường 30/04, Phường 3, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Điều hành Hướng Dẫn Viên Việt Nam	Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Chuyển đi của Bạn	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Thái Nguyên	Số 203, tổ 26, đường Lương Ngọc Quyến, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trung tâm dạy nghề Vietravel	Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Vĩnh Long	Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Số 105A Phạm Thái Bường, Phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Hải Dương	13 đường Thanh Niên, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 1.530 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.465 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thể thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác, ngoại trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí tour

Các khoản chi phí đã trả liên quan đến các tour đang thực hiện.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tính khấu hao.

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị quyền thuê nhà và tên miền. Nguyên giá của giá trị quyền thuê nhà và tên miền là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được giá trị nhà và tên miền ở thời điểm hiện tại. Giá trị nhà và tên miền được khấu hao từ 5 năm đến 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn chính theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành bao gồm doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách từ nước ngoài vào Việt Nam (Inbound Tours); doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, làm việc tại Việt Nam đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tours) và doanh thu dịch vụ du lịch nội địa (Domestic).

Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi Tập đoàn đã hoàn thành dịch vụ và các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đó được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý và Báo cáo thực hiện tour đã được phê duyệt.

Doanh thu bán vé máy bay

Doanh thu bán vé máy bay được ghi nhận khi các rủi ro và quyền sở hữu liên quan đến vé máy bay đã được chuyển sang khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	17,217,258,331	15.514.904.781
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	121,857,815,840	186.180.743.424
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	14,110,872,258	1.825.197.616
Cộng	153.185.946.429	203.520.845.821

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	4.032.660.000	4.032.660.000	6.417.888.750	6.417.888.750
Tiền gửi có kỳ hạn	4.032.660.000	4.032.660.000	6.417.888.750	6.417.888.750
Dài hạn	700.329.575.000	700.329.575.000	329.575.000	329.575.000
Tiền gửi có kỳ hạn	700.329.575.000	700.329.575.000	329.575.000	329.575.000
Cộng	704.362.235.000	704.362.235.000	6.747.463.750	6.747.463.750

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC ⁽ⁱ⁾	1.116.500.000	-	1.116.500.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	-
Cộng	1.116.500.000	-	1.116.500.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài 201600207 ngày 19 tháng 9 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC 1.116.500.000 VND (~50.000 USD) tương đương 100% vốn đầu tư.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315447183 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.400.000.000	(703.671.685)	696.328.315	1.400.000.000	(703.671.685)	696.328.315
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	525.000.000	(9.650)	524.990.350	262.500.000	145.737	262.645.737
VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	781.902.800	(174.498.189)	607.404.611			
Cộng	2.706.902.800	878.179.524	1.828.723.276	1.662.500.000	(703.525.948)	958.974.052

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312751298 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam 1.400.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty liên kết này (trong đó, góp bằng tài sản là 68.892.223 VND và góp bằng khoản công nợ đã chi trả cho giải tennis là 1.331.107.777 VND).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 0314181156 ngày 08 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam 525.000.000 VND, tương đương 21% vốn điều lệ thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài 201900655 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tập đoàn đầu tư vào VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd. 781.902.800 VND (~ 980.000 BATH), tương đương 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	696.328.315		-	696.328.315
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	262.645.737	262.500.000	(155.387)	524.990.350
VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd		781.902.800	(174.498.189)	607.404.611
Cộng	958.974.052	1.044.402.800	(174.653.576)	1.828.723.276

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam và Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam đang trong quá trình đầu tư ban đầu, chưa có hoạt động kinh doanh.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn không có các giao dịch trọng yếu với các công ty liên kết.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư vào 935.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Nha Trang, chiếm 4,68% vốn điều lệ của công ty này.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	12.776.119.593	3.618.559.222
Công Ty TNHH Manulife (Việt Nam)	1.057.097.000	7.889.775.806
Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nutricare	2.166.892.000	384.214.000
Công Ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam	8.437.617.174	3.803.299.896
Phải thu các khách hàng sử dụng dịch vụ du lịch lữ hành và mua vé	385.155.808.216	209.503.356.635
Phải thu liên quan đến dịch vụ khác	20.955.362.018	-
Cộng	430.548.896.001	225.199.205.559

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam – là bên liên quan	-	-
King Dragon International Tourist Group Co., Ltd. (THAI HUI)	-	34.436.220
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	96.050.040.098	78.522.991.601
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	85.814.281.701	32.922.686.000
Các khoản trả trước cho các hãng hàng không và nhà cung cấp dịch vụ khác	205.752.834.425	240.006.217.336
Cộng	387.617.156.224	351.486.331.157

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản tiền cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh vay với lãi suất 0%/tháng, thời hạn vay 3 tháng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh không còn khả năng trả nợ nên công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh đứng ra trả tiền thay theo Biên bản làm việc ngày 07 tháng 01 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.851.949.795	-	1.783.849.995	-
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	2.053.678.667	-	1.194.349.362	-
VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd	1.052.572.728	-	-	-
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	745.698.400	-	589.500.633	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	129.294.636.433	-	90.361.513.859	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	4.072.165.369	-	1.111.927.871	-
Tạm ứng ngắn hạn	55.258.631.145	-	31.994.761.657	-
Ký quỹ ngắn hạn	2.691.184.876	-	3.950.913.036	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	42.757.093	-	23.690.064	-
Cho mượn	-	-	37.120.000	-
Doanh thu trong năm xuất hóa đơn sau niên độ	3.557.014.723	-	6.930.247.023	-
Các khoản phải thu khác	76.956.881.708	-	46.312.854.208	-
Cộng	146.430.584.709	-	92.145.363.854	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Nợ quá hạn thanh toán**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Hưng Thịnh Phát - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	637.765.727		- Trên 3 năm	637.765.727	
Công ty TNHH Lữ hành tin tức Quốc tế Thành Đô - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	731.983.710		- Trên 3 năm	731.983.710	
Công ty TNHH Vạn Phúc - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	210.005.350		- Trên 3 năm	280.005.350	
Công ty TNHH Hiệp Thành Phúc - phải thu tiền bán hàng		-		- Trên 3 năm	2.632.479.476	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh - phải thu tiền cho vay	Trên 3 năm	100.000.000		- Trên 3 năm	350.000.000	350.000.000
Ông Trần Đức Hải - phải thu tiền tạm ứng	Trên 3 năm	30.910.530		- Trên 3 năm	43.994.500	13.198.350
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 2 năm đến 3 năm	1.883.489.717	357.548.277	Trên 3 năm	1.922.659.825	338.715.878
Cộng		3.594.155.034	357.548.277		6.598.888.588	701.914.228

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.896.974.360	6.487.215.387
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	(30.856.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	(2.610.422.133)	-
Số cuối kỳ	3.255.696.227	6.487.215.387

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	295.235.948		194.993.964	-
Hàng hóa	48.676.284.215	(1.458.091.618)	37.285.439.255	(593.821.434)
Hàng gởi đi bán	882.986.511		78.420.908	-
Cộng	49.854.506.674	(1.458.091.618)	37.558.854.127	(593.821.434)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tour, chi phí vé máy bay	121.220.121.289	112.573.869.563
Chi phí công cụ, dụng cụ	785.362.026	607.682.175
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.010.625.080	11.928.679.680
Cộng	144.016.108.395	125.110.231.418

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.934.039.577	10.417.145.010
Chi phí trả trước khác	36.300.905.566	19.074.668.472
Cộng	47.234.945.143	29.491.813.482

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Các khoản thuế nộp thừa, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.262.866	102.433.098
Thuế thu nhập cá nhân	444.500	32.902.962
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.024.430	12.679.590
Cộng	18.731.796	148.015.650

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.507.667.940	6.098.392.989	155.381.266.063	14.650.641.268	3.481.207.366	202.119.175.626
Mua trong kỳ	45.134.000	-	9.054.283.980	2.447.330.057	190.350.000	11.737.098.037
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	1.718.503.726	-	1.718.503.726
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	241.136.500	-	241.136.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(891.889.920)	(282.505.301)	(89.545.455)	(1.263.939.956)
Phân loại lại	-	-	56.000.000	(56.000.000)	-	-
Số cuối kỳ	22.552.801.940	6.098.392.989	163.599.660.843	18.719.106.250	3.582.011.911	214.551.973.933
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.680.515.653	4.101.655.080	58.539.306.058	6.790.677.292	777.578.851	84.889.732.934
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	19.648.481.875	5.028.831.624	87.145.126.571	10.698.565.942	1.630.872.540	124.151.878.552
Khấu hao trong kỳ	570.832.486	355.523.137	12.747.361.336	1.747.546.300	440.106.591	15.861.369.850
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	178.436.500	-	178.436.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.139.264)	(206.050.506)	(89.545.455)	(909.735.225)
Số cuối kỳ	20.219.314.361	5.384.354.761	99.278.671.315	12.418.175.564	1.981.433.676	139.281.949.677

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.859.186.065	1.069.561.365	68.236.139.492	3.952.075.326	1.850.334.826	77.967.297.074
Số cuối kỳ	2.333.487.579	714.038.228	64.320.989.528	6.300.930.686	1.600.578.235	75.270.024.256
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 56.303.446.848 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.351.774.000	480.352.250	6.965.987.911	10.032.994.452	19.831.108.613
Mua trong kỳ	-	-	308.090.000	-	308.090.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	518.500.000	-	518.500.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	341.820.000	-	341.820.000
Giảm do thanh lý			(138.250.500)		(138.250.500)
Số cuối kỳ	2.351.774.000	480.352.250	7.996.147.411	10.032.994.452	20.861.268.113
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	305.799.750	2.785.705.911	1.928.506.345	5.020.012.006
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	438.685.574	3.221.367.728	5.409.478.105	9.069.531.407
Khấu hao trong kỳ	-	18.749.997	812.050.668	372.961.260	1.203.761.925
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	341.820.000	-	341.820.000
Số cuối kỳ	-	457.435.571	4.303.386.396	5.782.439.365	10.543.261.332
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.351.774.000	41.666.676	3.744.620.183	4.623.516.347	10.761.577.206
Số cuối kỳ	2.351.774.000	22.916.679	3.692.761.015	4.250.555.087	10.318.006.781
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định – kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Quyền sử dụng đất tại				
Phủ Quốc	4.623.000.000	-	-	4.623.000.000
Phần mềm mua sản phẩm	997.500.000	-	-	997.500.000
Phần mềm bán tour (TripU)	1.672.033.464	2.812.479.625	-	4.484.513.089
Hệ thống kết nối data framework	1.575.500.000	2.014.360.000	-	3.589.860.000
Phần mềm nhắn tin tự động Fanpage	51.000.000	-	-	51.000.000
Hệ thống tổng đài điện thoại contact center	1.718.503.726	-	(1.718.503.726)	-
Dự án phần mềm điều hành xe	1.935.000.000	-	-	1.935.000.000
Phần mềm chăm sóc khách hàng Loyalty	4.035.540.000	500.000.000	-	4.535.540.000
Dự án website, app inbound	1.078.120.080	1.221.985.080	-	2.300.105.160
Dự án 01 Nguyễn Huệ	11.833.812.278	350.262.070	-	12.184.074.348
Triển khai hóa đơn điện tử	246.750.000	105.750.000	(352.500.000)	-
Phần mềm Guidbook	30.000.000	-	(30.000.000)	-
Logo TripU	59.415.000	-	-	59.415.000
Web tổ chức sự kiện	95.200.000	40.800.000	(136.000.000)	-
Phần mềm Chatbot (travel.com.vn)	-	401.000.000	-	401.000.000
Dự án Hàng không	-	1,454,545,456	(1,454,545,456)	-
Phần mềm E-sale	-	275.000.000	-	275.000.000
Dự án Hàng không của Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	-	5.846.600.000	-	5.846.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	-	58.545.455	-	58.545.455
Cộng	29.951.374.548	15.081.327.686	(3.691.549.182)	41.341.153.052

14. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến con. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Công ty TNHH An Incentives	Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.284.800.000	2.405.420.000	-	4.690.220.000
Tăng trong kỳ ⁽ⁱ⁾	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
Số cuối kỳ	2.284.800.000	2.405.420.000	29.000.000.000	33.690.220.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Số đã phân bổ**

Số đầu năm	913.920.000	481.084.000	-	1.395.004.000
Phân bổ trong kỳ	171.360.000	180.406.500	966.666.667	1.318.433.167
Số cuối kỳ	1.085.280.000	661.490.500	966.666.667	2.713.437.167

Giá trị còn lại

Số đầu năm	1.370.880.000	1.924.336.000	-	3.295.216.000
Số cuối kỳ	1.199.520.000	1.804.065.000	28.033.333.333	30.976.782.833

- (i) Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Quốc tế Kent được tính toán trên cơ sở giá gốc của tài sản thuần của công ty con này tại thời điểm mua mà chưa được tính toán trên cơ sở giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con này. Đồng thời, Tập đoàn cũng đang hợp nhất tài sản thuần của công ty con này vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc thay vì giá trị hợp lý do Tập đoàn chưa có cơ sở chắc chắn để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm này.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Tiền ứng trước liên quan đến các dịch vụ Tập đoàn sẽ thực hiện cho khách hàng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.332.210.337	7.724.644.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.407.846.723	10.024.481.956
Thuế thu nhập cá nhân	2.857.215.427	2.762.040.922
Các loại thuế khác	386.271.810	8.669.706
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.709.621	679.054.376
Cộng	34.989.253.918	21.198.891.660

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ du lịch trong nước và các dịch vụ trong nước khác: 10%
- Dịch vụ du lịch ngoài nước: Không tính thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel	13.317.551.557	10.875.812.660
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	674.530.423	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	1.649.509.844	-
Công ty TNHH An Incentives	369.195.172	-
Cộng	16.010.786.996	10.875.812.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vé máy bay và dịch vụ du lịch	14.351.457.448	1.577.748.322
Trích chi phí lãi vay	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.736.760.682	2.112.420.346
Cộng	16.088.218.130	3.690.168.668

19. Phải trả ngắn hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	819.517.210	585.040.930
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	791.279.823	460.014.459
Bảo hiểm thất nghiệp	60.991.226	49.165.060
Thuế giá trị gia tăng chờ kê khai	9.985.080.129	4.205.095.730
Nhận ký quỹ ngắn hạn	200.000.000	-
Cổ tức chưa chi trả	1.265.388.904	617.035.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	92.801.389.258	39.415.932.181
Cộng	105.923.646.550	45.332.283.660

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	133.657.789.013	68.586.275.410
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 ⁽ⁱ⁾	-	47.286.330.440
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	133.657.789.013	21.299.944.970
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu	32.600	-
Vay ngắn hạn cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.837.173.095	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	9.446.520.000	10.154.520.000
Cộng	145.941.514.708	78.740.795.410

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2018/62715/HĐTD ngày 13 tháng 9 năm 2018 để mua ngoại tệ thanh toán cho nước ngoài.
- (ii) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0110/2019/HĐCVHM/NHCT924 ngày 28 tháng 01 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng.
 - Hợp đồng số 0401/2019-HĐCVHM/NHCT924-WORLDTRANS ngày 16 tháng 4 năm 2019 với hạn mức 50.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 16 tháng 04 năm 2019 đến ngày 15 tháng 04 năm 2020.
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân với lãi suất từ 0% đến 11%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngắn hàng	68.586.275.410	246.377.339.462	2.500.000.000	-	(183.805.793.259)	133.657.821.613
Vay ngắn hạn cá nhân	-	2.577.000.000	5.110.173.095	-	(4.850.000.000)	2.837.173.095
Vay dài hạn đến hạn trả	10.154.520.000	-	-	6.907.890.000	(7.615.890.000)	9.446.520.000
Cộng	78.740.795.410	248.954.339.462	7.610.173.095	6.907.890.000	(196.271.683.259)	145.941.514.708

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	1.416.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	28.999.470.000	34.491.360.000
Trái phiếu không chuyển đổi dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	700.000.000.000	
Cộng	728.999.470.000	35.907.360.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0023/ĐTDA/15CD ngày 25 tháng 6 năm 2015 để thanh toán các chi phí phát sinh cho dự án đầu tư xe phục vụ vận chuyển khách du lịch. Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ bằng đồng Việt Nam cộng với mức biên, được xác định tại thời điểm các bên ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay cho vay tối đa là 60 tháng kể từ kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ các tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua tài sản cố định, bao gồm các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng vay số 1006/2017-HĐCVDA/NHCT924 ngày 09 tháng 10 năm 2017 dùng để thanh toán tiền mua 5 xe Thaco TB120S và 10 xe Thaco TB85S-W200 phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8% một năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn cho vay tối đa là 84 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 5 chiếc xe Thaco TB120S và 10 chiếc xe Thaco TB85S-W200 được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.11).
 - Hợp đồng vay số 0405/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 04 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua tàu du lịch chở khách Phú Quốc phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh lữ hành. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8% một năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng.
 - Hợp đồng vay số 0605/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 19 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán tiền mua 15 xe Thaco phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8% một năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn cho vay tối đa là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 15 chiếc xe Thaco được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.11).
- (iii) Khoản trái phiếu phát hành riêng lẻ không chuyển đổi trong thời hạn 2 năm có tài sản đảm bảo, tổng giá trị phát hành 700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng chẵn) với 700.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu được phê duyệt theo nghị quyết số 270-NQ/ĐHĐCĐ-VT ngày 20 tháng 08 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của tập đoàn Vietravel mà đại diện người sở hữu trái phiếu là Công ty cổ phần chứng khoán VPS theo Hợp đồng số 160919/HĐĐD/VT ngày 16 tháng 09 năm 2019. Lãi suất cố định 9.25% trong 15 tháng đầu tiên và tăng lên 11% năm trong thời hạn còn lại của Trái phiếu.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn và trái phiếu

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	9.446.520.000	10.154.520.000
Trên 1 năm đến 5 năm	726.252.470.000	28.683.360.000
Trên 5 năm	2.747.000.000	7.224.000.000
Cộng	<u>738.445.990.000</u>	<u>46.061.880.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

Số đầu năm	35.907.360.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.907.890.000)
Trái phiếu không chuyển đổi dài hạn	700.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>728.999.470.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.496.144.085	5.192.916.534	(5.750.000)	14.683.310.619
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	4.375.969.998	(4.375.969.998)	-
Cộng	9.496.144.085	9.568.886.532	(4.481.719.998)	14.683.310.619

22. Trái phiếu chuyển đổi

Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi của Tập đoàn như sau:

- Thời điểm phát hành : 22/05/2017
- Kỳ hạn gốc : 03 năm
- Kỳ hạn còn lại : 08 tháng
- Số lượng trái phiếu phát hành : 18.856 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000 VND
- Lãi suất : Năm đầu lãi suất cố định 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày phát hành. Các năm tiếp theo, lãi suất được xác định bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với đồng Việt Nam công bố tại website chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được xác định tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ là 3%/năm.
- Tài sản đảm bảo : Không có.
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu : Mỗi đơn vị trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo tỷ lệ 1:100, nghĩa là trái chủ sở hữu 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 100 cổ phần phổ thông của Tập đoàn.
- Giá trị phần nợ gốc : 18.856.000.000 VND

Trái phiếu được phát hành cho các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Bà Lê Thị Tuyết Mai	726	726.000.000	726	726.000.000
Ông Nguyễn Minh Ngọc	966	966.000.000	966	966.000.000
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	1.210	1.210.000.000	1.210	1.210.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	966	966.000.000	966	966.000.000
Ông Trần Đoàn Thế Duy	966	966.000.000	966	966.000.000
Ông Võ Hoàng Liên Kha	966	966.000.000	966	966.000.000
Cộng	5.800	5.800.000.000	5.800	5.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Lữ hành		
Quốc tế Sài Gòn	20.502.200.000	20.502.200.000
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	11.461.220.000	11.461.220.000
Các cổ đông khác	94.452.910.000	94.452.910.000
Cộng	126.416.330.000	126.416.330.000

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.641.633	12.641.633
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.641.633	12.641.633
- Cổ phiếu phổ thông	12.641.633	12.641.633
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	414.793	345.293
- Cổ phiếu phổ thông	414.793	345.293
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.226.840	12.296.340
- Cổ phiếu phổ thông	12.226.840	12.296.340
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 112 - NQ/ĐHĐCĐ – VTV ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông	:	18.340.260.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	4.779.241.482
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	4.779.241.482
• Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị vượt kế hoạch	:	3.968.690.360
• Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	820.209.000

Phân phối lợi nhuận tại các công ty con

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế Giới đã phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	2.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	119.182.052
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	245.867.690
• Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	96.000.000

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa đã phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

		VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	294.493.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	294.493.000
• Chi thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	235.594.000
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	42.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**24. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ*****Ngoại tệ các loại***

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	413.584,68	492.547,40
Euro (EUR)	347.218,81	30.503,83
Yên Nhật (JPY)	900.194,34	346.271,00
Dollar Úc (AUD)	276.537,41	5.810,17
Dollar Singapore (SGD)	241.551,95	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****1a. Tổng doanh thu***

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	5.224.645.423.729	5.018.090.732.966
Doanh thu bán vé máy bay	457.712.246.441	661.100.329.727
Doanh thu bán hàng hóa	92.436.744.543	80.226.360.243
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	33.598.713.590	254.570.215.859
Cộng	5.808.393.128.303	6.013.987.638.795

1a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	3.876.136.060	3.605.924.135
Hàng bán bị trả lại	596.214.623	249.429.943
Giảm giá hàng bán	159.238.846	
Cộng	4.631.589.529	3.855.354.078

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.733.071.910	63.174.542.873
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.337.848.078.267	5.587.800.241.570
Cộng	5.408.581.150.177	5.650.974.784.443

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	518.606.158	548.747.192
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.405.262.526	745.970.122
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	247.898.960	79.071.432
Chiều khấu thanh toán	500.000	-
Doanh thu tài chính khác	153.873.109	-
Cộng	3.326.140.753	1.373.788.746

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.763.322.999	4.947.618.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.187.781.261	566.098.936.04
Chi phí tài chính khác	678.664.234	15.259.011.96
Cộng	10.629.768.494	5.528.976.743

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.872.862.122	64.961.987
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		10.587.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.192.689.677	8.153.357.305
Các chi phí khác	33.639.313.388	23.042.744.667
Cộng	45.704.865.187	31.271.651.691

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	102.986.339.281	100.744.883.213
Chi phí vật liệu quản lý	1.859.473.362	1.940.413.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.528.375.401	1.959.527.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.730.727.975	15.234.246.474
Phân bổ lợi thế thương mại	1.318.433.167	351.766.500
Thuế, phí và lệ phí	13.924.765.223	13.289.067.519
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.610.422.133)	267.955.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.246.828.771	117.112.504.539
Các chi phí khác	28.488.792.222	23.991.980.574
Cộng	274.473.313.269	274.892.345.875

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	15.071.461	353.098.430
Các khoản hoa hồng hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.253.247.763	12.396.390.286
Doanh thu coupon hết hạn sử dụng	1.096.189.869	3.000.000
Các khoản thu nhập khác	3.362.173.796	4.025.777.361
Cộng	9.726.682.889	16.778.266.077

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	86.382.826	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	4.221.812.100	4.832.522.143
Thuế bị phạt, bị truy thu	48.473.495	232.475.024
Chi phí bồi hoàn do hủy tour khách	816.452.000	-
Các khoản chi phí khác	1.997.502.053	1.061.159.900
Cộng	7.170.622.474	6.126.157.067

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.387.848.763	3.910.529.138
Chi phí nhân công	105.859.201.403	100.809.845.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.730.727.975	15.234.246.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.439.518.448	125.265.861.844
Chi phí khác	73.442.448.700	60.591.748.411
Cộng	318.859.745.289	305.812.231.066

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	6.527.999.721	5.252.171.340
Tiền thưởng	2.394.122.260	1.953.840.595
Thù lao	2.896.962.302	2.186.818.699
Cộng	11.819.084.283	9.392.830.634

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tiếp thị - Thể thao - Du lịch - Giải trí Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	Công ty liên kết
VietNam Travel and Marketing Tranports Co., Ltd	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.6a.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ du lịch và thị trường chủ yếu là Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2019



Đặng Thị Hiền Lương
Người lập



Ngô Chí Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Vốn khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	69,125,470,000	285,516,725	(4,818,316,100)	147,296,764	10,256,650,310	51,265,366,488	9,635,494,692		135,897,478,879
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ trước	38,044,040,000	2,616,891,400	-	-	-	-	5,000,000,000		45,660,931,400
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ	19,246,820,000	-	-	-	-	(19,246,820,000)	-		-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành bằng tiền trong kỳ trước	-	-	(360,229,946)	-	-	-	-		(360,229,946)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành thông qua cản trừ công nợ trong kỳ trước	-	-	(213,773,254)	-	-	-	-		(213,773,254)
Bán lại cổ phiếu quỹ cho CBCNV	-	-	2,050,300,000	-	-	-	-		2,050,300,000
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(7,722,583,200)	(717,480,000)		(8,440,063,200)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	46,846,276,572	1,768,334,489		48,614,611,061
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	5,593,380,199	(12,101,167,832)	(149,938,817)		(6,657,726,450)
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kỳ trước	-	-	-	-	-	(818,619,000)	-		(818,619,000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND trong kỳ trước và tăng giảm khác	-	-	-	22,258,083	-	(390,663,439)	256,603,218	43,270,000	(68,532,138)
Số dư cuối kỳ trước	126,416,330,000	2,902,408,125	(3,342,019,300)	169,554,847	15,850,030,509	57,831,789,589	15,793,013,582	43,270,000	215,664,377,352
Số dư đầu năm nay	126,416,330,000	3,030,205,325	(3,487,459,300)	(269,365)	16,004,315,204	66,804,575,043	15,959,700,637		224,727,397,544
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(18,340,260,000)	(800,000,000)		(19,140,260,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành bằng tiền trong kỳ này	-	-	(154,446,363)	-	-	-	-		(154,446,363)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong kỳ này thông qua việc cản trừ công nợ	-	-	(590,469,937)	-	-	-	-		(590,469,937)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	52,960,688,774	1,108,513,469		54,069,202,243
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	5,064,670,428	(14,326,390,493)	(307,166,467)		(9,568,886,532)
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	-	(1,143,911,800)	(49,891,200)		(1,193,803,000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND trong kỳ này	-	-	-	429,318,750	-	-	-		429,318,750
Tăng vốn tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	-	-	-	-	-	-	5,472,000,000		5,472,000,000
Điều chỉnh giảm khác trong kỳ này	-	-	-	-	-	(19,647,008)	63,793,814		44,146,806
Số dư cuối kỳ này	126,416,330,000	3,030,205,325	(4,232,375,600)	429,049,385	21,068,985,632	85,935,054,516	21,446,950,253	-	254,094,199,511

Đặng Thị Hiền Lương
Người lập

Ngô Chí Dũng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Nguyễn Quốc Kỳ
Tổng Giám đốc

T.C.P